



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM THÔNG TIN - ỨNG DỤNG KH&CN

☎ * ☎

BẢN TIN KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

BẢN TIN CHỌN LỌC
PHỤC VỤ NÔNG THÔN

Trong số này:

Số 03
2023

- MÔ HÌNH NUÔI CÁ LĂNG NHA TRONG LỒNG BÈ TRÊN HỒ CHỨA TẠI HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK - MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
- PHÂN BIỆT MỘT SỐ LOẠI CÁ LĂNG VÀ NHỮNG TÁC DỤNG TUYỆT VỜI CỦA CÁ LĂNG ĐỐI VỚI SỨC KHỎE



THÔNG TIN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

MÔ HÌNH NUÔI CÁ LĂNG NHA TRONG LỒNG BÈ TRÊN HỒ CHỨA TẠI HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK - MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

KS. Lê Thị Quỳnh Nhung

Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk

I. Giới thiệu chung

Cá Lăng nha có tên khoa học là *Mystus Wyckiioides* hay còn gọi là cá Lăng đuôi đỏ thuộc dòng cá da trơn nên toàn bộ thân hình của chúng không có vảy mà thay vào đó là một lớp nhớt. Cá Lăng có vây lưng một gai ở phía trước, vây mỡ ở xung quanh người, phần vây ức có răng cưa. Đặc điểm của cá Lăng là mình thon dài, đầu hơi bẹt và có 4 cặp râu khá dài, da trơn bóng, phần đuôi có màu đỏ trắng, có phần thân dài, đầu đẹp, vây lớn. Cá Lăng nha khi trưởng thành thường nặng trên 30 kg và dài trên 1,5m. Thịt của cá Lăng nha rất mềm, thơm và có giá trị dinh dưỡng cao nhất trong các dòng cá Lăng.

Cá Lăng thường sinh sống phía dưới tầng đáy, ở các vùng nước ngọt hoặc nước lợ nhạt như ao hồ, sông, suối, khu vực nhiều bùn nhiều phù sa, nước chảy chậm. Cá Lăng là loài cá ăn tạp, thức ăn của chúng thường là côn trùng sống ở trên mặt nước, các loại ấu trùng trong nước, tôm, cua và cá nhỏ.

II. Một số kết quả đạt được

Ea Kar là huyện có tiềm năng to lớn về mặt nước và sự phong phú của các giống loài thủy sinh vật, môi trường thủy hóa phù hợp và sinh trưởng tốt cho các đối tượng nuôi cá nước ngọt truyền thống. Trong những năm gần đây một số nơi trên địa bàn huyện bắt đầu phát triển nghề nuôi cá lồng bè trên hồ chứa. Tuy nhiên nuôi cá lồng bè ở đây còn mang tính tự phát, người nuôi cá thiếu kiến thức về nuôi cá lồng bè, chưa đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Thấy rõ tiềm năng và lợi thế trong ngành nuôi trồng thủy sản của địa phương Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Ea Kar đã đề xuất đề tài “Ứng dụng các tiến bộ Khoa học công nghệ nuôi cá Lăng nha trong lồng bè trên hồ chứa tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk” và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk cho phép thực hiện đề tài tại quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 16/5/2022. Ban Chủ nhiệm đề tài đã triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả như sau:

- Xây dựng thành công 02 mô hình tại xã Cư Ni, huyện Ea Kar với quy mô $100m^3$, các hộ tham gia mô hình không chỉ được tập huấn để hiểu rõ về quy trình nuôi cá, từ đó có thể quản lý, chăm sóc, theo dõi, xử lý nguồn nước hàng ngày, thực hiện đảm bảo theo yêu cầu, mà còn được hỗ trợ con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, cách lắp đặt, vệ sinh lồng bè theo quy cách phù hợp; vệ sinh khử trùng lồng và khu vực nuôi; xác định vị trí đặt lồng, cách phối trộn thức ăn từ nguyên liệu tại chỗ.

- Qua bước đầu của quá trình xây dựng mô hình cho thấy từ con giống trên 10g/con, sau thời gian nuôi 12 tháng, mật độ thả 20 con/m³ thì tỷ lệ sống là 85%, cá sinh trưởng, phát triển tốt, trọng lượng bình quân 1,2kg/con, lãi gộp trên lồng nuôi 100m³ là 67 triệu đồng, tỷ suất đầu tư là 42%.

- Đề tài có sự phối hợp của Trạm Khuyến nông, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Ban nông nghiệp huyện Ea Kar và các hộ tham gia mô hình. Biện pháp kỹ thuật được ứng dụng để xây dựng mô hình là quy trình kỹ thuật nuôi cá Lăng nha trong lồng bè trên hồ chứa của Trung tâm khuyến nông quốc gia và đã được đề tài hoàn thiện kỹ thuật nuôi cá lồng bè cho phù hợp với điều kiện của địa phương.



Một số hình ảnh nuôi cá Lăng nha trong lồng bè trên hồ chứa tại huyện Ea Kar

III. Kỹ thuật áp dụng nuôi cá Lăng nha trong lồng bè trên hồ chứa tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk

1. Thiết kế và xây dựng lồng nuôi

- Lồng có kích thước 60 m^3 ($5\text{m} \times 4\text{m} \times 3\text{m}$), kích thước thực nuôi 50 m^3 chiều cao mức nước lưới lồng để thả nuôi từ 2,5 m; trên các mặt của thành lồng có lớp lưới chắn cao 0,5 m để ngăn thức ăn trôi ra ngoài.

- Dùng loại vật liệu bằng thép để làm khung lồng, nên thiết kế khung lồng có 4, 8 hoặc 12 ô lồng và dành riêng 1 - 2 ô lồng để làm nhà, kho chứa thức ăn, vật dụng.

- Toàn bộ khung lồng được nâng bằng thùng phuy nhựa 200 lít và được cố định vào khung lồng bằng dây thép, khung lồng được cố định bằng dây neo ở 4 góc.

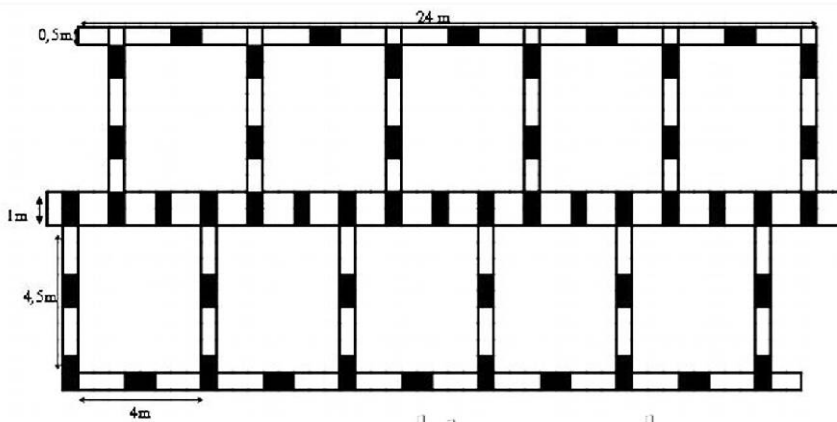
- Lồng làm bằng lưới polyetylen (PE) dệt không co rút. Cỡ mắt lưới phụ thuộc vào kích cỡ cá nuôi, cỡ mắt lưới từ 1 - 4 cm, trong một vụ nuôi thường sử dụng 3 loại mắt lưới; đáy lồng được cố định bằng dây giềng nối với đá ghiềm và các can nhựa chứa cát.

- Một cụm lồng gồm các bộ phận chính: Khung lồng, lưới lồng, phao, dây neo, neo, đá ghiềm... và được thiết kế cụ thể như sau:

1.1 Khung lồng

Khung lồng nuôi cá có thể làm bằng các nguyên liệu sau: Bằng sắt hoặc bằng gỗ..

Dùng sắt: sử dụng sắt $\Phi 34$ (hoặc $\Phi 42$, $\Phi 49$) có mạ lớp kẽm chống rỉ, mỗi cây dài 6m và ống nối sắt $\Phi 34$.



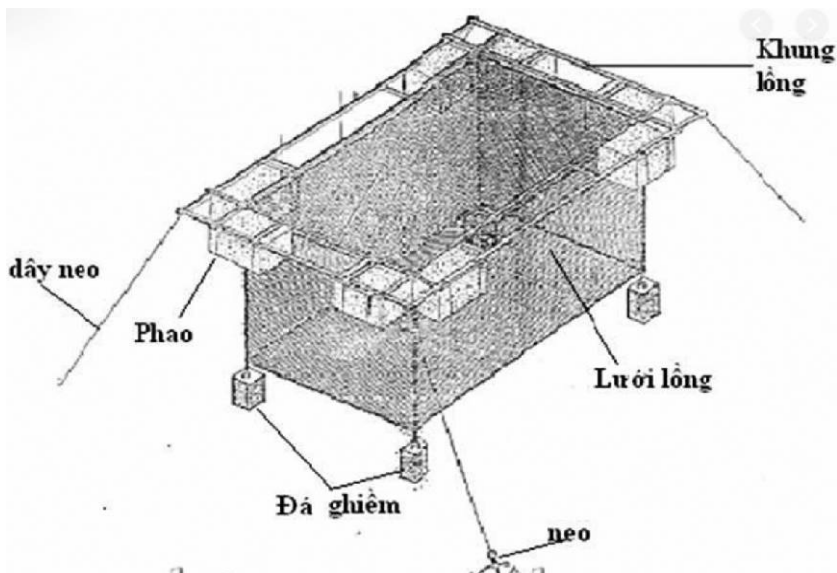
Khung lồng có kích thước 24 x 12m, gồm 2 dãy mỗi dãy 5 ô để mắt lưới lồng nuôi, mỗi ô kích thước 4,5 x 4m hoặc khung lồng có kích thước 18 x 18m, gồm 3 dãy, mỗi dãy 3 ô để mắt lưới lồng nuôi, mỗi ô kích thước 5 x 5m.

Các tiếp sắt $\Phi 34$, mỗi cây có chiều dài 6m được nối thẳng với nhau bằng ống nối $\Phi 34$. Toàn bộ các tiếp sắt dọc và ngang được hàn gắn chặt với nhau tạo thành khung lồng.

1.2 Lồng lưới

Lồng lưới có dạng hình hộp lập phương hoặc hình hộp chữ nhật có 1 mặt đáy, 4 mặt bên, mặt để hở gọi là miệng lồng.

Lồng làm bằng lưới polyetylen (PE) dệt không co rút. Cỡ mắt lưới phụ thuộc vào kích cỡ cá lúc thả thường (2a) = 1 - 4cm, trong một vụ nuôi thường ta sử dụng 3 loại mắt lưới: Ban đầu chọn mắt lưới có kích thước (2a) = 1cm, kích



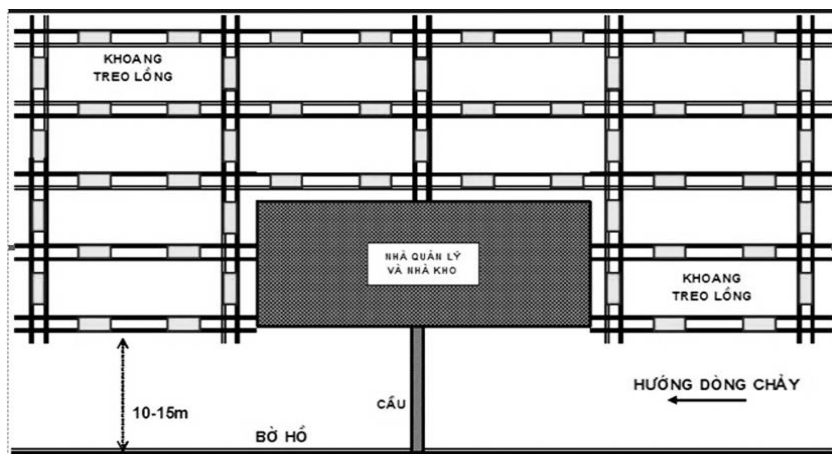
thước thứ 2: $2a = 2,5$ cm, kích thước thứ 3: $2a = 4$ cm, đáy lưới lồng được cố định bằng dây giềng nối với đá ghiêm hoặc các can nhựa chứa cát.

Lưu ý: Tất cả các lồng dù thiết kế bằng vật liệu gì trên các mặt của thành lồng đều có lớp lưới chắn cao 0,5 m để ngăn thức ăn trôi ra ngoài.

1.3 Phao nâng lồng

Dùng tấm xốp có kích thước 50 x 60 x 90 cm, thùng phi sắt hoặc phi nhựa 200 lít. Để đảm bảo sức nổi của lồng, bố trí mỗi ô lồng từ 4 - 6 phao, phao được cố định vào khung lồng bằng dây thép.

1.4 Lắp cụm lồng



Đặt các phi song song, khoảng cách các phao bằng khoảng cách lồng lưới.

Dùng khung lồng đã hàn sẵn đặt lên phao, gắn phao vào khung lồng = dây thép.

Khi lắp khung cụm lồng đặt trên bờ sau đó chuyển xuống nước để lắp lồng lưới.

1.5 Chọn vị trí đặt lồng

Trong nuôi cá lồng, do chất lượng nước không thể kiểm soát được như nuôi trong các thủy vực ao hồ mà tùy thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, vì thế chọn lựa vị trí thích hợp để neo lồng bè sẽ có ảnh hưởng quyết định đến sự thành công của vụ nuôi. Thông thường, tiêu chuẩn lựa chọn vị trí nuôi dựa trên các yếu tố như: Nhiệt độ, mức độ nhiễm bẩn của nguồn nước, vật chất lơ lửng, sinh vật gây

bệnh, trao đổi nước, dòng chảy, khả năng làm bẩn lồng; độ sâu, chất đáy, giá thể; và điều kiện thành lập trại nuôi như phương tiện, an ninh, kinh tế - xã hội,... Đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi cá lồng bè, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo QCVN 02-22:2015/BNNT. Một vị trí tốt cho việc nuôi cá lồng trên sông và hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện phải đảm bảo các yêu cầu:

- Chọn vị trí đặt lồng/bè nuôi phải nằm trong vùng quy hoạch để phát triển nuôi trồng thủy sản hoặc phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

- Vị trí đặt lồng cách bờ ít nhất 15 - 20m.

- Môi trường nuôi phải đảm bảo các yếu tố sau: pH 6,5 - 7,5; oxy hòa tan > 5 mg/lít; NH_3 nhỏ hơn 0,01 mg/lít; H_2S < 0,01 mg/lít, nhiệt độ nước từ 20 - 33°C.

2. Kỹ thuật chọn giống và thả giống

2.1 Chọn giống cá Lăng nha

Trọng lượng cá giống từ 10 - 15g/con. Cỡ cá đồng đều, cân đối, vây vẩy hoàn chỉnh, không sây sát, không mất nhớt, màu sắc tươi sáng, tỷ lệ dị hình nhỏ hơn 1%, bơi lội nhanh nhẹn, tình trạng sức khỏe tốt, không mang mầm bệnh. Không nên thả cá khi thấy có đốm đỏ, hoặc trắng, vây bị ăn mòn hoặc trầy xước.

2.2 Thả cá giống

- Mật độ thả: 20 - 40 con/m³

- Cách thả giống: Khi vận chuyển giống cá về, ngâm bao cá trong lồng khoảng 10 - 15 phút nhằm cân bằng nhiệt độ, sau đó mở túi ra cho nước vào từ từ để cá tự bơi ra.

- Thời gian thả giống: Vào sáng sớm hoặc buổi chiều mát, thời gian thả tốt nhất là:

+ Buổi sáng: từ 6 - 8 giờ.

+ Buổi chiều: từ 16 - 18 giờ.

+ Tránh thả cá vào giữa trưa, trời sắp mưa và những ngày mưa lớn kéo dài.

2.3 Phương pháp thả giống

Cá giống khi được chuyển về tới điểm lồng, thả nguyên bao xuống khoảng 15 - 20 phút để cân bằng nhiệt độ trong bao với môi trường bên ngoài. Sau đó mở bao, cho nước vào từ từ để cá bơi ngược dòng ra ngoài.

Để đảm bảo cá giống trước khi thả đạt tỷ lệ sống cao, không bị ký sinh trùng và nấm phát triển trên cơ thể cần yêu cầu trại giống tắm cá bằng:

- Hòa tan thuốc tím liều lượng 5 - 7 g/m³ nước. Tắm cá trong thau hoặc xô lớn trong vòng 5 phút.

- Tắm bằng nước muối có độ mặn 5 - 7‰, trong thời gian 5 phút.

3. Kỹ thuật chăm sóc và quản lý

3.1 Thức ăn và khẩu phần ăn cho cá

3.1.1 Loại thức ăn cho cá

- Thức ăn nuôi cá Lăng nha có thể sử dụng thức ăn tự

chế biến, thức ăn viên công nghiệp hoặc thức ăn kết hợp thức ăn viên công nghiệp và cá tạp tùy thuộc điều kiện cụ thể và khả năng đầu tư của người nuôi.

3.1.2 Yêu cầu chất lượng thức ăn trong các giai đoạn nuôi

Loại thức ăn, tỷ lệ khối lượng thức ăn cho cá ăn theo các giai đoạn phát triển của cá

Cỡ cá (g/con)	Loại thức ăn	Tỷ lệ khối lượng thức ăn (% khối lượng đàn cá)	Số lần cho ăn trong ngày (lần)
10 - 20	Thức ăn công nghiệp dạng viên mảnh 30% đậm	10	2
20 - 100	Thức ăn công nghiệp dạng viên nổi 30% đậm	7	2
100 - 300	Thức ăn công nghiệp dạng viên nổi 30% đậm	4	2
>300	50% thức ăn công nghiệp dạng viên nổi 30% đậm + 50% thức ăn cá tạp	3	2

- Xử lý nguyên liệu: Loại bỏ sạch tạp chất, cắt nhỏ cá với chiều dày 3 - 5 cm.

3.1.3 Phương pháp cho ăn

- Cách cho ăn:

+ Lúc nhỏ cho ăn cần theo dõi có thể bổ sung số lần cho ăn nếu thấy cá muốn ăn; khi được 300 g cho ăn cố định ngày 2 lần vào 8 và 16 giờ hàng ngày.

+ Đối với thức ăn công nghiệp rải đều thức ăn quanh lồng. Đối với thức ăn chế biến và cá tạp (cắt nhỏ hoặc nguyên con nhỏ) cho vào khung cố định sẵn trong lồng để cá ăn.

- Lượng thức ăn:

+ Tỷ lệ khối lượng thức ăn cho cá ăn hàng ngày dao động từ 10% giảm dần đến 3% tổng khối lượng đàn cá tính từ thời điểm thả giống đến khi thu hoạch. Lượng thức ăn buổi chiều tối chiếm 2/3 tổng lượng thức ăn trong ngày.

+ Kiểm tra khối lượng cá theo định kỳ 2 tháng/lần bằng cách thu ngẫu nhiên 10 - 30 con/ô lồng tùy theo tuổi cá, từ đó ước tính tổng khối lượng đàn cá trong lồng nuôi để điều chỉnh lượng thức ăn hàng ngày cho phù hợp.

+ Phương pháp trộn thuốc vào thức ăn: Dùng thau (chậu) cho nước sạch vào để hoà tan thuốc cần trộn với tỷ lệ 7 lít nước/40 kg thức ăn. Sau khi thuốc tan, cho thức ăn vào đảo đều, đảm bảo thuốc thấm đều thức ăn. Sau khi

trộn khoảng 5 - 10 phút, thức ăn vừa khô thì cho thêm dầu cá vào thức ăn, trộn đều và cho cá ăn.

4. Quản lý hệ thống lồng nuôi

- Trong quá trình nuôi, khi thấy nước đứng hoặc chảy yếu phải sử dụng quạt nước để tăng hàm lượng ô xy hòa tan trong nước.

- Thường xuyên kiểm tra neo, dây neo, hệ thống lồng bè. Hàng ngày vệ sinh các khu vực sản xuất và sinh hoạt trên bè và các thiết bị, dụng cụ sản xuất.

- Trong điều kiện thời tiết bình thường, vệ sinh lưới chắn thức ăn 5 - 7 ngày/lần, vệ sinh lồng kết hợp thay lưới. Thời điểm vệ sinh hay thay lưới nên thực hiện lúc trời mát mẻ. Sau khi mưa lớn nước đục nên vệ sinh lồng tránh phù sa bám vào lưới. Các thao tác cần thực hiện nhanh gọn, cẩn thận tránh làm cá xây sát, tuột nhớt.

- Khi nước môi trường của vùng đặt lồng bè không đáp ứng được yêu cầu và vượt giới hạn cho phép phải kéo bè cá đến nơi có nguồn nước sạch.

5. Quản lý chất lượng nước

- Đo hàm lượng oxy hòa tan hàng ngày vào lúc 6 - 7 giờ và 14 - 15 giờ. Khi hàm lượng oxy <4 mg/l cần có các biện pháp khắc phục bằng máy sục khí hay máy bơm.

- Đo nhiệt độ hàng ngày để điều chỉnh thức ăn phù hợp (giảm thức ăn khi nhiệt độ xuống dưới 20°C).

- Đo pH 5 - 7 ngày 1 lần để có biện pháp điều chỉnh pH trong ngưỡng phù hợp.

6. Quản lý sức khỏe đàn cá nuôi

- Quan sát các hoạt động của cá hàng ngày, khi phát hiện các biểu hiện cá bị bệnh phải có những biện pháp phòng trị kịp thời.

- Cho cá ăn thức ăn đủ chất và lượng, bổ sung các chất dinh dưỡng, vitamin, khoáng nhằm tăng cường sức đề kháng cho cá.

- Thực hiện vệ sinh lồng lưới định kỳ và các dụng cụ.

- Trong quá trình nuôi, khi thấy nước đứng hoặc chảy yếu phải sử dụng quạt nước để tăng hàm lượng ô xy hòa tan trong nước.

- Thường xuyên kiểm tra neo, dây neo, hệ thống lồng bè. Hàng ngày, vệ sinh các khu vực sản xuất và sinh hoạt trên bè và các thiết bị, dụng cụ sản xuất.

- Trong điều kiện thời tiết bình thường, vệ sinh lồng kết hợp thay lưới chần thức ăn 5 - 7 ngày/lần, vệ sinh lồng kết hợp thay lưới 03 lần theo chu kỳ nuôi. Thời điểm vệ sinh hay thay lưới nên thực hiện lúc trời mát mẻ. Sau khi mưa lớn nước đục nên vệ sinh lồng tránh phù sa bám vào lưới. Các thao tác cần thực hiện nhanh gọn, cẩn thận tránh làm cá xây xát, tuột nhớt.

- Khi nước môi trường của vùng đặt lồng bè không đáp ứng được yêu cầu và vượt giới hạn cho phép phải kéo bè cá đến nơi có nguồn nước sạch.

- Thường xuyên treo túi vôi nông nghiệp (CaCO_3) quanh bè 10 kg/100 m², lá xoan 5 kg/100 m².

- Hàng tháng dùng Fresh water nồng độ 100 g/100 - 150 m³ nước hòa tan tạt đều xuống khu vực lồng nuôi khử trùng nước.

- Định kỳ trộn thuốc vào thức ăn cho cá gồm men tiêu hóa VS-Cream (3 - 5 g/kg thức ăn), Vitamin C (5 - 10 g/kg thức ăn), Premix, dầu cá... nhằm tăng sức đề kháng cho cá. Thuốc cho ăn liên tục trong 3 ngày, ngưng 10 ngày lại trộn thuốc lại 1 lần.

IV. Một số bệnh thường gặp và cách điều trị bệnh cho cá Lăng nha

1. Bệnh đốm trắng

Bệnh thường xuất hiện sau khoảng 7 - 10 ngày thả nuôi, do cá yếu và có xây sát trong quá trình vận chuyển. Bên cạnh đó bệnh còn xảy ra vào thời điểm giao mùa và có mưa. Tác nhân gây bệnh là Trùng bánh xe *Trichodina* sp và Trùng quả dưa (*Ichthyophthyrus multifilis*). Cá bị bệnh da và mang cá tiết ra nhiều nhớt màu trắng đục, màu da chuyển qua màu xám và thường nổi đầu trên mặt nước.

Trị bệnh: Dùng phèn xanh (CuSO₄) hòa tan trong nước và phun xuống lồng với nồng độ 0,5 - 0,7 ppm (1 ppm = 1 g/m³).

2. Bệnh đốm đỏ (bệnh ghẻ)

Cá có thể nhiễm bệnh ở bất kỳ giai đoạn nào trong quá

trình nuôi trong trường hợp cá bị trầy xước, xây sát. Cá bị bệnh, phần cuống đuôi xuất hiện với những vết lở loét màu trắng xám sau đó lan dần lên thân. Cá bơi lội lờ đờ, nổi lên tầng mặt, tập trung ở các góc và xung quanh thành lưới lồng. Cá bị bệnh nặng bỏ ăn, toàn thân chuyển sang màu đen và chết.

Trị bệnh: Dùng Formol với liều lượng 10 - 15 ppm (1 ppm = 1 g/m³) phun trực tiếp xuống lồng, kết hợp dùng Oxytetracycline trộn vào thức ăn cho cá ăn với liều lượng 50 mg/kg thức ăn và cho cá ăn liên tục từ 5 - 7 ngày.

3. Bệnh nấm thủy mi

Bệnh này khó có thể phát hiện bằng mắt thường. Khi mắc bệnh, cá có biểu hiện gầy, màu sạm đi, ngứa ngáy. Trên da xuất hiện vùng trắng xám nhỏ. Để lâu dần sẽ gây nguy hiểm tính mạng của cá. Bệnh do nấm gây ra, điển hình là *Leptolegnia*, *Achlya*... Do thời tiết lạnh, cá bị xây sát tạo điều kiện cho vi khuẩn xâm nhập.

Trị bệnh: Tắm cá 1 lần/ngày bằng CuSO₄ với liều lượng 7 - 10 g/m³. Hoặc sử dụng Methylen 2 - 3 ppm để điều trị.

4. Bệnh trùng quả dưa

Cá có biểu hiện thường nổi trên mặt nước và hay tập trung nơi có dòng nước chảy. Trên da xuất hiện các lốm tốm màu trắng, để lâu dần cá bệnh nặng có dấu hiệu loét da, nhào lộn, đờ đẫn. Bệnh do ký sinh trùng *Ichthyophthitius* gây ra.

Trị bệnh: Tắm cá 5 - 10 phút bằng H_2O_2 liều lượng 70 ml/m^3 và axit axetic liều lượng 30 ml/m^3 kết hợp trộn thuốc Praziquantel cho cá ăn. Hoặc tắm cá trong Formalin nồng độ $150 - 200 \text{ ml/m}^3$.

5. Bệnh gan thận mủ

Cá có dấu hiệu lơ đờ, màu nhợt nhạt, da bị xuất huyết. Bệnh này còn có tên gọi khác là bệnh gan, thận mủ ở cá da trơn. Thường xuất hiện ở những con cá lớn. Do vi khuẩn *Edwardsiella* sp gây ra.

Trị bệnh: Bệnh này điều trị bằng thuốc kháng sinh, cần nghe theo hướng dẫn của chuyên gia, bác sĩ thú y để đạt hiệu quả nhanh chóng mà không xảy ra sai sót.

6. Bệnh xuất huyết

Thấy cá có biểu hiện chuyển màu tối, cá bị mất nhớt, da khô ráp, xuất hiện các đốm xuất huyết đỏ trên thân là dấu hiệu của bệnh xuất huyết. Khi tiến hành giải phẫu thấy trong ruột cá không có thức ăn, ổ bụng có tích dịch máu, hoại tử gan và thận nhũn. Bên trong mô cơ bị tổn thương, mô mang tăng sinh... Đây là bệnh do vi khuẩn xâm nhập, có tên *Aeromonas hydrophila*, là vi khuẩn có hình que và có khả năng di động.

Trị bệnh: Sử dụng kháng sinh Doxycycline để điều trị bệnh xuất huyết cho cá Lăng.

PHÂN BIỆT MỘT SỐ LOẠI CÁ LĂNG VÀ NHỮNG TÁC DỤNG TUYỆT VỜI CỦA CÁ LĂNG ĐỐI VỚI SỨC KHỎE

1. Phân biệt một số loại cá Lăng

- Cá Lăng chấm, cá Lăng hoa: Cá Lăng chấm có tên khoa học bằng tiếng Anh là *Hemibagrus guttatus*. Cá Lăng chấm khi trưởng thành có thể nặng từ 40 - 50kg. Toàn bộ thân hình của dòng cá này được phủ lên một lớp da trơn bóng và có đốm đen. Dòng cá Lăng chấm, cá Lăng hoa thường sống ở khu vực ven sông. Tại Việt Nam, chúng chủ yếu phân bố ở khu vực ven sông các tỉnh miền núi phía Bắc như sông Đà, sông Lô và Phú Thọ. Ngoài ra, chúng chỉ có xương sống, không có xương dăm.

- Cá Lăng vàng: Cá Lăng vàng, dòng cá Lăng khá phổ biến ở nước ta. Cá Lăng vàng thường sinh sống ở các vùng nước hạ lưu như sông Hồng, Việt Trì, Phú Thọ hoặc các khu vực đầm lầy. Chúng được bao phủ bằng một lớp da vàng tươi bóng nhờn, thịt cá Lăng vàng có màu trắng bạc, nhiều nạc, giòn, ngon và rất ít xương dăm. Thịt cá Lăng vàng có vị ngọt thanh chứ không đậm đà như dòng cá Lăng chấm.

- Cá Lăng đen: Có nguồn gốc từ cá nheo Mỹ, da cá màu đen tuyền, được nuôi chủ yếu ở Hòa Bình, sông Lục Đầu (Hải Dương).

- Cá Lăng trắng: Điểm đặc biệt duy nhất của giống này là toàn bộ thân mình đều có màu trắng. Cá Lăng trắng rất khó tìm thấy ngoài tự nhiên. Tuy nhiên thịt của giống này rất thơm, ngon, bùi và bổ dưỡng hơn hẳn cá Lăng đen.

- Cá Lăng đá: Thực chất chỉ là cách gọi của một số vùng khu vực miền Trung, miền Nam. Còn tại miền Bắc thì cá Lăng đá có tên gọi là cá chiên. Cá chiên còn được mệnh danh là thủy quái, bởi chúng có hình thù tương đối kỳ dị. Phần thân mình có màu loang lổ, phần đầu to bè và nhiều răng lổm chổm trong miệng.

2. Những tác dụng của cá Lăng đối với sức khỏe

2.1 Thành phần dinh dưỡng có trong cá Lăng

100g cá lăng cung cấp khoảng: 112 Kcal, 4g chất béo, 19g protein. Ngoài ra, loại cá này còn chứa một lượng chất dinh dưỡng như omega-3, vitamin A, DHA và khoáng chất đem lại rất nhiều lợi ích cho sức khỏe.

2.2 Tác dụng của cá Lăng đối với sức khỏe

2.2.1 Thơm ngon, dễ ăn

Cá Lăng là một món ăn thơm ngon, phổ biến. Thịt của loại cá này mềm, dày, săn chắc và dễ ăn. Vị của nó rất ngon, ngọt, và đặc biệt nó lại rất ít xương.

2.2.2 Lợi tiểu

Thịt của cá Lăng có tác dụng rất lớn cho cơ thể. Cá Lăng giúp cơ thể thải độc, giúp thanh lọc cơ thể. Điều này có lợi cho việc lợi tiểu ở cơ thể.

2.2.3 Tốt cho mắt

Cá Lăng có chứa vitamin A, có lợi cho mắt. Ăn nhiều cá giúp cải thiện sức khỏe đôi mắt, giúp mắt sáng và bảo vệ đôi mắt của bạn. Nó cũng ngăn ngừa bệnh thoái hóa điểm vàng ở mắt ở những người lớn tuổi. Đó là sự suy giảm của hoàng điểm, là khu vực trung tâm nhỏ của võng mạc của mắt dùng để kiểm soát thị lực.

2.2.4 Tốt cho da

Cá Lăng có nhiều chất dinh dưỡng tốt cho da. Giúp cải thiện sức khỏe làn da của bạn, làm đẹp da, giúp làn da trở nên mịn màng, ít mụn và ngăn chặn sự lão hóa của da.

2.2.5 Tốt cho xương, khớp

Ăn nhiều cá Lăng cũng giúp phát triển xương, làm cho xương chắc khỏe, ngăn chặn các bệnh viêm khớp, viêm khớp dạng thấp.

2.2.6 Phát triển não bộ

Omega-3 và DHA là những chất cần thiết cho việc phát triển não bộ ở con người. Nó không chỉ cải thiện sức khỏe mà còn giúp tăng trí nhớ. Ăn nhiều cá Lăng có lợi cho não bộ, đặc biệt là ở trẻ nhỏ. Trẻ nhỏ ở độ tuổi đang phát triển ăn nhiều cá giúp cho chất xám ở não trẻ phát triển và hình thành.

Ngoài ra, nó cũng có nhiều lợi ích đối với người lớn tuổi. Ăn cá nhiều có thể làm chậm sự lão hóa của não bộ. Nó có thể ngăn chặn sự phát triển của bệnh Alzheimer ở người già.

Trần Thị Định - ST

MỤC LỤC

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ NÔNG THÔN

Trang

1. Mô hình nuôi cá Lăng nha trong lồng bè trên hồ chứa tại huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk - Một số kết quả đạt được 1
2. Phân biệt một số loại cá Lăng và những tác dụng tuyệt vời của cá Lăng đối với sức khỏe 17

NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN

Ban biên tập

TS. Đinh Khắc Tuấn - Trưởng Ban biên tập

ThS. Phạm Gia Việt - Phó Trưởng Ban biên tập

ThS. Lê Thị Ngọc Hương - Phó Trưởng Ban biên tập

ThS. Lê Đăng Pha - Thành viên

CN. Trần Thị Định - Thư ký

Địa chỉ: 256 Phan Chu Trinh - Tp. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Email: ttud@khcn.daklak.gov.vn

Website: <https://skhcn.daklak.gov.vn>

Điện thoại: 0262.3726999 - 105



GPXB số: 22/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 27/7/2023
In tại: Công ty TNHH Một thành viên In Đắc Lắc
Khổ 14 x 20 cm, số lượng 750 bản. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2023.